

Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính các ngân hàng thương mại Việt Nam

Lê Thị Thu Hà

Ngày nhận: 06/09/2017

Ngày nhận bản sửa: 13/09/2017

Ngày duyệt đăng: 28/09/2017

Các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán độc lập (KTĐL) báo cáo tài chính (BCTC) hàng năm. Điều này góp phần nâng cao tính minh bạch về các thông tin tài chính, giúp các NHTM phát triển an toàn và lành mạnh, đồng thời giúp bảo vệ và bảo đảm lòng tin của công chúng vào hệ thống ngân hàng và thị trường tài chính. Theo một số nghiên cứu gần đây, nhìn chung các cuộc kiểm toán BCTC NHTM đã đạt chất lượng phù hợp với các yêu cầu của hệ thống Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hiện hành. Tuy nhiên, qua quan sát thực tế thời gian qua và kết quả nghiên cứu của tác giả¹, chúng tôi nhận thấy còn một số hạn chế nhất định trong chất lượng báo cáo kiểm toán và BCTC đã kiểm toán, trong qui trình, thủ tục kiểm toán cũng như hạn chế của các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán như kiểm soát chất lượng kiểm toán từ cơ quan quản lý, sự phối hợp giữa cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng và kiểm toán viên... Vì vậy, trong bài viết này, trên cơ sở đánh giá một số hạn chế, tác giả đề xuất một số giải pháp và kiến nghị góp phần nâng cao chất lượng kiểm toán độc lập BCTC các NHTM Việt Nam.

Từ khóa: Kiểm toán độc lập, ngân hàng thương mại, chất lượng kiểm toán

1. Một số hạn chế trong hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính các ngân hàng thương mại Việt Nam

Các ngân hàng thương mại (NHTM) Việt Nam thuộc đối tượng phải thực hiện kiểm toán độc

lập (KTĐL) báo cáo tài chính (BCTC) hàng năm nhằm tăng tính minh bạch và độ tin cậy của các thông tin tài chính. Tuy nhiên, bên cạnh vai trò của kiểm toán, chất lượng kiểm toán BCTC NHTM của các công ty kiểm toán độc lập Việt Nam trong thời gian qua vẫn còn một số hạn

¹ Lê Thị Thu Hà (2015), Đề tài cấp ngành “Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam”, Học viện Ngân hàng.

chế nhất định (Lê Thị Thu Hà, 2015), thể hiện trên các khía cạnh sau:

(1) Về báo cáo kiểm toán

Hình thức các báo cáo kiểm toán đã được trình bày qui định trong chuẩn mực kiểm toán (CMKiT) Việt Nam. Tuy nhiên, một số báo cáo kiểm toán chưa đề cập đầy đủ đến những vấn đề trọng yếu trên BCTC của ngân hàng. Có trường hợp ý kiến kiểm toán ngoại trừ đưa ra nhiều điểm ngoại trừ có thể có ảnh hưởng lan tỏa trên BCTC (ví dụ trường hợp Ngân hàng TMCP Đại Chúng năm 2013). Một số báo cáo kiểm toán sử dụng thuật ngữ chưa nhất quán với yêu cầu trong CMKiT. Đồng thời, báo cáo kiểm toán được lập theo mẫu trong CMKiT nên khá ngắn gọn, chưa đáp ứng được hết nhu cầu của người sử dụng thông tin.

(2) Về qui trình, thủ tục kiểm toán

Về phương pháp tiếp cận theo định hướng rủi ro
Về cách thức tiếp cận kiểm toán, một số công ty kiểm toán (CTKT), đặc biệt là các CTKT không thuộc nhóm Big Four, có xu hướng thực hiện kiểm toán BCTC dựa trên các khoản mục ở BCTC hơn là dựa trên các chu trình kinh doanh của ngân hàng. Đồng thời, cách thức kiểm toán của các công ty này dựa trên hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB) nhiều hơn là theo định hướng rủi ro, trong đó KTV xuất phát từ đánh giá hệ thống KSNB hơn là xem xét đánh giá rủi ro kinh doanh trong các nghiệp vụ của ngân hàng. Cách thức tiếp cận như trên dẫn đến trùng lặp trong việc phối hợp công việc, đồng thời ảnh hưởng đến khả năng đánh giá một cách toàn diện các rủi ro của đơn vị được kiểm toán.

Về việc xác định mức trọng yếu

Theo CMKiT Việt Nam số 320, sau khi xác định mức trọng yếu trên tổng thể BCTC, KTV có thể xác định mức trọng yếu cho các khoản mục nghiệp vụ cụ thể. Hiện nay khi lập kế hoạch, phần lớn các CTKT chưa xác định mức trọng yếu cho các số dư, nghiệp vụ quan trọng trên BCTC. Điều này có thể gây ra hạn chế khi đánh giá bằng chứng kiểm toán liên quan tới từng khoản mục cụ thể có qui mô, tính chất quan trọng khác nhau.

Về việc lựa chọn chi nhánh ngân hàng để kiểm

toán trực tiếp

Khi chọn mẫu chi nhánh kiểm toán, một số CTKT chủ yếu dựa trên các chỉ tiêu về qui mô của các chi nhánh, ví dụ tỷ lệ tổng tài sản hoặc dư nợ cho vay của chi nhánh trên tổng tài sản hoặc dư nợ cho vay của toàn ngân hàng, mà chưa chú ý đến các yếu tố rủi ro khác. Việc chọn mẫu chi nhánh để kiểm toán là một yếu tố quan trọng quyết định đến chất lượng kiểm toán BCTC ngân hàng. Việc tập trung vào kiểm tra các chi nhánh lớn có thể ảnh hưởng đến khả năng phát hiện các sai sót trọng yếu của KTV trong quá trình kiểm toán. Đồng thời tại một số CTKT, tỷ lệ tài sản/dư nợ cho vay được kiểm toán trên tổng tài sản/tổng dư nợ cho vay của ngân hàng còn ở mức khá thấp. Điều này cũng có thể ảnh hưởng đến khả năng phát hiện các sai sót của KTV.

Về hạn chế trong chọn mẫu

Trong chọn mẫu thực hiện thử nghiệm kiểm soát đánh giá hiệu lực của KSNB, một số CTKT thường chọn các mẫu có cỡ cố định, ví dụ 25 mẫu cho nhiều loại giao dịch khác nhau. Cách chọn mẫu như vậy có thể không phù hợp với qui mô, mức độ rủi ro của nghiệp vụ, cũng như qui mô của từng khách hàng, nhất là khi việc kiểm toán BCTC ngân hàng phụ thuộc nhiều vào việc đánh giá hệ thống KSNB của ngân hàng. Một số CTKT chủ yếu dựa vào xét đoán khi chọn mẫu mà không sử dụng phần mềm chọn mẫu có thể dẫn đến thiên lệch chủ quan trong quá trình chọn mẫu. Các kỹ thuật chọn mẫu cũng chưa được áp dụng đa dạng, chủ yếu là chọn phần tử có giá trị lớn.

Về kiểm toán hệ thống công nghệ thông tin

Hoạt động ngân hàng phụ thuộc rất lớn vào hệ thống công nghệ thông tin (CNTT). Do vậy việc tìm hiểu, đánh giá về sự vận hành và độ tin cậy của hệ thống CNTT ngân hàng trong quá trình ghi chép kế toán và lập BCTC là rất quan trọng. Do tính chất đặc thù của hoạt động ngân hàng, các CTKT thường sử dụng các chuyên gia CNTT để xem xét, đánh giá độ tin cậy của hệ thống CNTT của ngân hàng. Tuy nhiên theo kết quả khảo sát của tác giả ((Lê Thị Thu Hà, 2015), có gần 30% CTKT không sử dụng các chuyên gia CNTT và do đó có thể chưa xem xét

toàn diện độ tin cậy của hệ thống CNTT trong kiểm toán NHTM. Điều này có thể làm giảm chất lượng của các cuộc kiểm toán.

Về ứng dụng kỹ thuật kiểm toán có sự trợ giúp của máy tính

Tại một số CTKT, việc ứng dụng CNTT và các kỹ thuật kiểm toán có sự trợ giúp của máy tính chưa được áp dụng một cách rộng rãi, dẫn tới các hạn chế trong việc phân tích, xử lý các thông tin, giao dịch của ngân hàng còn chưa hiệu quả. Một số CTKT chủ yếu sử dụng các phần mềm văn phòng thông dụng như Microsoft Office để ghi chép hồ sơ kiểm toán, thực hiện thủ tục phân tích... vì vậy hiệu quả công việc chưa cao.

Ngoài các hạn chế trên, việc phối hợp công việc giữa KTV độc lập và KTV nội bộ của các ngân hàng cũng chưa hiệu quả. KTV độc lập chưa sử dụng nhiều các tư liệu do kiểm toán nội bộ cung cấp. Điều này cũng ảnh hưởng nhất định đến chất lượng cũng như hiệu quả của các cuộc kiểm toán.

2. Các giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán của các công ty kiểm toán độc lập đối với báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam

Một là, hoàn thiện phương pháp kiểm toán trên cơ sở đánh giá rủi ro

Trên thế giới trong những năm gần đây, phương pháp tiếp cận trong kiểm toán BCTC các doanh nghiệp nói chung và NHTM nói riêng đã có sự thay đổi từ phương pháp tiếp cận hệ thống sang phương pháp tiếp cận trên cơ sở đánh giá rủi ro. Đặc điểm kiểm toán theo phương pháp này thường là: Tăng cường sử dụng các thủ tục phân tích, thực hiện thử nghiệm kiểm soát các nghiệp vụ thường xuyên, tăng thử nghiệm cơ bản với các nghiệp vụ không thường xuyên và các ước tính kế toán. Ngoài ra các KTV phải sử dụng các kỹ thuật phân tích dùng trong quản trị doanh nghiệp như phân tích SWOT, PEST, các chỉ số đánh giá kết quả hoạt động... Phương pháp tiếp cận này giúp kiểm toán viên xác định được các yếu tố rủi ro tổng quát ảnh hưởng đến toàn bộ ngân hàng, cũng như những rủi ro chính trong từng lớp giao dịch, nghiệp vụ.

Để thực hiện phương pháp tiếp cận này, KTV phải có hiểu biết sâu rộng về bản chất công việc khách hàng để xác định khả năng có sai sót trọng yếu trên BCTC. KTV cần có hiểu biết về chiến lược kinh doanh của khách hàng, rủi ro kinh doanh mà ngân hàng có thể gặp phải bên cạnh những hiểu biết về rủi ro liên quan đến việc ghi chép và xử lý các nghiệp vụ, khả năng của ngân hàng trong việc đối phó hay kiểm soát những thay đổi trong môi trường kinh doanh. KTV có thể thực hiện đánh giá rủi ro theo 2 hướng: Rủi ro chiến lược kinh doanh và rủi ro các lớp nghiệp vụ trọng yếu.

Rủi ro chiến lược kinh doanh: Liên quan đến các yếu tố bên ngoài ảnh hưởng tới ngân hàng và các yếu tố nội lực của ngân hàng. Các yếu tố bên ngoài như chính trị, kinh tế, xã hội, công nghệ...; các yếu tố nội lực của ngân hàng gồm các chiến lược và mục tiêu quản lý, các chỉ tiêu đánh giá hoạt động và rủi ro, môi trường kiểm soát bên trong ngân hàng. KTV cần tập trung vào tất cả các vấn đề trọng yếu có liên quan, chẳng hạn như lạm phát quốc gia, các cuộc khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng hệ thống ngân hàng có thể dẫn đến rủi ro các ngân hàng không thu hồi được nợ và khả năng phải xóa sổ các khoản nợ là lớn...

Rủi ro các lớp nghiệp vụ trọng yếu: Xác định và kiểm tra các quy trình nghiệp vụ trọng yếu của ngân hàng; đánh giá các rủi ro tiềm ẩn trong các quy trình này và các kiểm soát hiện có của ngân hàng để quản lý các rủi ro đó. Để thực hiện phương pháp tiếp cận kiểm toán này cho hiệu quả, các thủ tục đánh giá rủi ro và thử nghiệm kiểm toán thường được thực hiện theo các qui trình kinh doanh của ngân hàng hơn là theo các khoản mục trên BCTC. *Ví dụ*, với quy trình cho vay của ngân hàng, KTV quan tâm đến các lớp nghiệp vụ về chi phát tiền vay, thu hồi nợ vay, thu nhập từ lãi cho vay. Việc đánh giá rủi ro tiềm tàng trong các nghiệp vụ cũng như rủi ro kiểm soát của các lớp nghiệp vụ này ảnh hưởng trực tiếp đến việc thu thập các bằng chứng liên quan đến cơ sở dẫn liệu của các khoản mục trong quy trình cho vay.

Hai là, hoàn thiện kỹ thuật chọn mẫu

Việc chọn mẫu kiểm tra khách quan là một cơ sở đảm bảo chất lượng kiểm toán, đặc biệt là đối với các NHTM có qui mô giao dịch rất lớn. Về qui mô mẫu chọn, qui mô chọn mẫu trong thử nghiệm kiểm soát và thử nghiệm cơ bản cần căn cứ vào đặc điểm cụ thể của các khoản mục nghiệp vụ được kiểm toán. Nhìn chung khi rủi ro và qui mô của khoản mục nghiệp vụ càng lớn thì qui mô mẫu chọn càng lớn. Hiện nay một số công ty kiểm toán chọn mẫu thực hiện thử nghiệm kiểm soát với cỡ mẫu xác định trước, ví dụ 2 mẫu hoặc 25 mẫu căn cứ vào tần suất hoạt động kiểm soát. Cách chọn mẫu như vậy có thể không phù hợp vì chưa căn cứ vào qui mô của nghiệp vụ cũng như mức độ rủi ro của nghiệp vụ được kiểm tra. Vì vậy, trong việc thiết kế các thử nghiệm kiểm soát và cơ bản, các công ty kiểm toán nên linh hoạt hơn trong việc lựa chọn số lượng mẫu để kiểm tra. Chẳng hạn đối với những khách hàng có qui mô lớn số lượng mẫu được lựa chọn để kiểm tra có thể lớn hơn so với các khách hàng nhỏ. Các nghiệp vụ có tần suất xảy ra lớn thì qui mô của mẫu chọn trong thử nghiệm kiểm soát lớn hơn so với các nghiệp vụ khác. Qui mô mẫu chọn cần căn cứ vào xét đoán của KTV trong từng trường hợp cụ thể.

KTV cần áp dụng kết hợp các cách chọn mẫu khác nhau, bao gồm cả chọn mẫu bằng các phần mềm chọn mẫu để tăng tính khách quan của mẫu chọn.

Bên cạnh việc chọn mẫu nghiệp vụ, việc lựa chọn chi nhánh ngân hàng để kiểm tra cũng là một nội dung quan trọng, do các ngân hàng thường có mạng lưới hoạt động lớn hơn nhiều so với các doanh nghiệp sản xuất, thương mại. Hiện nay một số công ty kiểm toán khi chọn chi nhánh chủ yếu dựa trên qui mô của tài sản và danh mục cho vay của chi nhánh so với tổng tài sản và danh mục cho vay. Trong một số trường hợp, các chi nhánh có qui mô nhỏ có thể có phát sinh rủi ro ảnh hưởng lớn tới hoạt động ngân hàng. Vì vậy, ngoài tiêu chí qui mô tài sản, KTV cần lựa chọn các chi nhánh căn cứ vào các yếu tố rủi ro khác như: Chi nhánh có các sai phạm được phát hiện trong những năm trước; chi nhánh có qui mô tài sản/doanh thu/chi phí biến động lớn so với năm trước và biến động so với xu hướng chung của ngân hàng; chi nhánh có nhiều thay đổi trọng hoạt động, ví dụ có triển

khai thêm các loại hình sản phẩm dịch vụ mới; chi nhánh có thay đổi trong nhân sự chủ chốt như giám đốc, trưởng phòng kế toán...

Ngoài ra, KTV cũng cần cân nhắc chọn mẫu ngẫu nhiên luân phiên một số phòng giao dịch tại các địa điểm khác nhau của ngân hàng. Đây là những đơn vị tuy có qui mô nhỏ nhưng trong thực tế thời gian vừa qua có phát sinh những vụ gian lận ảnh hưởng tiêu cực đến uy tín cũng như gây thiệt hại tài chính cho khách hàng và ngân hàng.

Ba là, phối hợp với kiểm toán viên nội bộ

Các NHTM đều tổ chức bộ phận kiểm toán nội bộ, thực hiện kiểm toán các hoạt động trong ngân hàng. Việc sử dụng hồ sơ làm việc và trao đổi với KTV nội bộ có thể giúp KTV độc lập có thêm thông tin và tiết kiệm được thời gian chi phí kiểm toán. Trong thời gian tới, các công ty kiểm toán có thể phối hợp với KTV nội bộ của ngân hàng theo các nội dung sau:

- KTV độc lập sử dụng các hồ sơ làm việc của KTV nội bộ trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để thu thập thông tin về các sai phạm đã được KTV nội bộ phát hiện, kết hợp với thông tin thu được từ các nguồn khác để làm cơ sở xác định các hoạt động, chi nhánh có mức độ rủi ro cao và cần chú trọng khi kiểm toán.

- KTV độc lập và KTV nội bộ có thể trao đổi và phối hợp thực hiện các thủ tục kiểm toán. KTV độc lập và KTV nội bộ cần thống nhất về phương pháp thực hiện, cách thức chọn mẫu, qui mô chọn mẫu... Sau đó KTV độc lập có thể căn cứ vào kết quả kiểm tra để thu hẹp phạm vi kiểm toán nhằm tăng hiệu quả hoạt động kiểm toán, giảm thiểu tình trạng các nghiệp vụ được kiểm toán bởi cả KTV độc lập và KTV nội bộ. Để làm được việc này, KTV độc lập cần xem xét các vấn đề như:

- Tính khách quan, năng lực chuyên môn, mức độ thận trọng của KTV nội bộ.

- Chất lượng và sự phù hợp trong phương pháp làm việc của kiểm toán nội bộ, sự đầy đủ của hồ sơ kiểm toán, cũng như cần có sự phối hợp chặt chẽ với KTV nội bộ trong quá trình kiểm toán.

Bốn là, nâng cao chất lượng đội ngũ nhân viên kiểm toán

Một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán là trình độ kinh nghiệm của đội ngũ KTV. Bởi vậy mà trong những năm qua, các công ty kiểm toán, đặc biệt là các công ty kiểm toán lớn rất quan tâm tới việc đào tạo cho đội ngũ KTV thông qua các chương trình đào tạo nội bộ hoặc các khóa học lấy chứng chỉ quốc tế hoặc các khóa cập nhật kiến thức. Tuy nhiên một thách thức với các công ty kiểm toán là thường có tỷ lệ nhân viên chuyển việc lớn, đồng thời các công ty kiểm toán cũng thường có tỷ lệ nhân viên ít kinh nghiệm chiếm số lượng lớn hơn so với nhân viên đã có nhiều kinh nghiệm. Những vấn đề này có thể có ảnh hưởng đến chất lượng kiểm toán. Do vậy việc thu hút và giữ lại các nhân viên có khả năng và kinh nghiệm là một yêu cầu đặt ra đối với các công ty kiểm toán để nâng cao

cấp KTV cần được xác định rõ. Những giao dịch, số dư có mức độ rủi ro cao cần do các KTV chính phụ trách. Công việc thực hiện của các trợ lý kiểm toán cần được giám sát chặt chẽ bởi trưởng nhóm kiểm toán và theo sát kế hoạch kiểm toán đã được lập. Các giám đốc kiểm toán cần có mặt thường xuyên tại đơn vị được kiểm toán ngay từ đầu cuộc kiểm toán để đảm bảo rằng các vấn đề quan trọng phát sinh được xử lý kịp thời.

Một vấn đề nữa là việc đào tạo đối với các KTV và trợ lý kiểm toán. Hiện nay đội ngũ trợ lý kiểm toán phần lớn được tuyển dụng từ sinh viên tốt nghiệp đại học. Tuy nhiên các chương trình đào tạo về kiểm toán ngân hàng ở Việt Nam còn chưa có nhiều. Phần lớn các trường đại học có chuyên ngành kiểm toán như Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính... mới

Ngoài việc đào tạo thông qua công việc và tự đào tạo trong công ty kiểm toán, các công ty kiểm toán nên phối hợp với Hội KTV hành nghề Việt Nam (VACPA) và các trường đại học để cung cấp cho các trợ lý kiểm toán và KTV kiến thức chuyên sâu về hoạt động ngân hàng. Các công ty kiểm toán nên có qui định thời gian đào tạo tối thiểu về hoạt động ngân hàng và kiểm toán ngân hàng mà các KTV và trợ lý kiểm toán phải thực hiện hàng năm để có thể tham gia các cuộc kiểm toán.

chất lượng kiểm toán.

Đặc biệt lĩnh vực kiểm toán ngân hàng đòi hỏi KTV có hiểu biết chuyên sâu về hoạt động ngân hàng thì việc duy trì đội ngũ nhân viên chất lượng càng quan trọng. Các KTV và trợ lý kiểm toán cần có những hiểu biết sâu sắc về lĩnh vực ngân hàng, bao gồm các rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, đặc điểm của kiểm soát nội bộ, đặc điểm của hệ thống thông tin và kế toán các nghiệp vụ trên BCTC NHTM, cũng như những nội dung, lịch trình, phạm vi các thủ tục kiểm toán. Ngoài các KTV có thể có nhiều năm kinh nghiệm, với các trợ lý kiểm toán có thể chưa có được đầy đủ các kinh nghiệm cần thiết do thời gian làm việc thực tế chưa nhiều. Trong khi đó, đây lại là những người trực tiếp thực hiện việc thu thập bằng chứng kiểm toán. Vì vậy một yêu cầu đặt ra là cần giám sát chặt chẽ công việc của các trợ lý kiểm toán ít kinh nghiệm hơn. Trách nhiệm, quyền hạn của từng

đào tạo lý thuyết kiểm toán và kiểm toán BCTC của các doanh nghiệp nói chung. Với tính chất đặc thù của hoạt động ngân hàng, đối với đào tạo kiểm toán ngân hàng thì mới có Học viện Ngân hàng và Đại học Ngân hàng TP. Hồ Chí Minh, vì thế phần lớn các trợ lý kiểm toán khi mới tuyển dụng chưa có nhiều hiểu biết về kiểm toán BCTC ngân hàng. Do vậy việc đào tạo cho các trợ lý kiểm toán này các kiến thức và kỹ năng kiểm toán ngân hàng là rất quan trọng. Ngoài việc đào tạo thông qua công việc và tự đào tạo trong công ty kiểm toán, các công ty kiểm toán nên phối hợp với Hội KTV hành nghề Việt Nam (VACPA) và các trường đại học để cung cấp cho các trợ lý kiểm toán và KTV kiến thức chuyên sâu về hoạt động ngân hàng. Các công ty kiểm toán nên có qui định thời gian đào tạo tối thiểu về hoạt động ngân hàng và kiểm toán ngân hàng mà các KTV và trợ lý kiểm toán phải thực hiện hàng năm để có thể tham gia các

cuộc kiểm toán.

Các công ty kiểm toán cần phối hợp với các trường hiện đang đào tạo chuyên ngành kiểm toán nhằm bổ sung những kiến thức thực tế và cập nhật những kiến thức kiểm toán mới cho sinh viên chuyên ngành. Ngoài đối tượng sinh viên tốt nghiệp, các công ty kiểm toán có thể ưu tiên tuyển dụng các ứng viên đã có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng, hoặc ưu tiên các trợ lý kiểm toán đã có kinh nghiệm làm việc ngân hàng tham gia đội kiểm toán ngân hàng. Các công ty kiểm toán cũng cần chú trọng đến cơ cấu nhân viên tỷ lệ Partner/KTV/trợ lý cũng vì đây là yếu tố ảnh hưởng chất lượng hoạt động và quy mô công ty kiểm toán. Mỗi công ty kiểm toán cần xác định một Partner sẽ cần có bao nhiêu KTV/ bao nhiêu trợ lý để cơ cấu đó hoạt động hiệu quả và đủ mức kiểm soát rủi ro.

3. Một số kiến nghị nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính ngân hàng thương mại Việt Nam

3.1. Kiến nghị với các cơ quan quản lý

Một là, hoàn thiện kiểm soát chất lượng kiểm toán

Trong thời gian qua Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước với sự phối hợp của Hội KTV hành nghề Việt Nam VACPA đã các hoạt động kiểm soát chất lượng kiểm toán từ bên ngoài với các công ty kiểm toán. Trong các cuộc kiểm tra chất lượng, các đoàn kiểm tra đã đánh giá hệ thống kiểm soát chất lượng chung của công ty kiểm toán cũng như kiểm tra một số hồ sơ kiểm toán cụ thể. Tuy nhiên, kiểm soát chất lượng kiểm toán đối với lĩnh vực kiểm toán BCTC ngân hàng hiện còn bị bỏ ngỏ. Hồ sơ kiểm toán BCTC của các ngân hàng chưa được xem xét trong các cuộc kiểm tra này. Đồng thời các đoàn kiểm tra cũng chưa có sự tham gia của đại diện Ngân hàng Nhà nước.

Cơ quan giám sát chất lượng kiểm toán cần phối hợp với cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng để thực hiện kiểm soát chất lượng các cuộc kiểm toán BCTC NHTM. Đối với các công ty kiểm toán tham gia kiểm toán ngân hàng, cần có các cuộc kiểm tra tập trung vào kiểm toán BCTC các NHTM. Các thành

viên tham gia kiểm tra chất lượng kiểm toán BCTC NHTM cần có hiểu biết về kiểm toán và hoạt động của các NHTM. Thành phần đoàn kiểm tra cần có sự tham gia của các cán bộ Ngân hàng Nhà nước, cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng. Các báo cáo kiểm tra cần có nội dung về những vấn đề đặc trưng trong kiểm toán BCTC các ngân hàng.

Để nâng cao chất lượng kiểm toán, cần có cơ chế hợp tác và trao đổi thông tin giữa các cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng và cơ quan giám sát hoạt động kiểm toán.

Các cuộc họp giữa các cơ quan giám sát ngân hàng và các cơ quan giám sát chất lượng kiểm toán phải diễn ra thường xuyên để họ có thể thông báo cho nhau về các vấn đề mà hai bên cùng quan tâm. Các vấn đề được trao đổi có thể bao gồm việc kiểm toán một số lĩnh vực đặc biệt liên quan như dự phòng nợ khó đòi, hoặc xét đoán của KTV về KSNB hoặc qui trình quản lý rủi ro của các ngân hàng. Các cuộc thảo luận cũng có thể bao gồm bất kỳ vấn đề nào mà cơ quan giám sát kiểm toán quan tâm trong quá trình kiểm tra các cuộc kiểm toán BCTC của các tổ chức tài chính (bao gồm cả các khiếm khuyết của qui trình kiểm toán), và phản hồi của cơ quan giám sát kiểm toán đối với các vấn đề này, bao gồm các hành động khắc phục những khiếm khuyết do cơ quan giám sát kiểm toán hoặc KTV độc lập thực hiện nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán.

Hai là, xây dựng hệ thống chỉ tiêu giám sát chất lượng kiểm toán

Thực tế ở Việt Nam hiện nay, các công ty kiểm toán chưa cung cấp nhiều thông tin về chất lượng kiểm toán cho công chúng, đặc biệt là đối với các nhà đầu tư. Việc các cơ quan quản lý giám sát chất lượng kiểm toán và hiệp hội nghề nghiệp ở Việt Nam xem xét xây dựng hệ thống các tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán và yêu cầu các công ty kiểm toán công bố các tiêu chí này cùng với các báo cáo thường niên là cần thiết để giúp tăng cường chất lượng kiểm toán cũng như hỗ trợ việc lựa chọn kiểm toán và cạnh tranh lành mạnh giữa các công ty kiểm toán.

Vừa qua Ủy ban giám sát kế toán công ty đại chúng của Hoa Kỳ (PCAOB) đã đưa ra gợi ý về

các tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán. Đây là vấn đề có thể nghiên cứu và áp dụng ở Việt Nam.

Theo PCAOB, các tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán có thể chia thành 3 nhóm: các tiêu chí liên quan đến đầu vào của quá trình kiểm toán (audit inputs), các tiêu chí liên quan đến quá trình kiểm toán (audit processes) và tiêu chí liên quan đến kết quả kiểm toán (audit results).

a. Các tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán liên quan đến đầu vào của quá trình kiểm toán:

Bao gồm các chỉ tiêu liên quan đến nhân sự của công ty kiểm toán như số nhân viên kiểm toán/giám đốc kiểm toán; số giờ làm việc tính phí khách hàng của các KTV; tỷ lệ KTV chuyển việc; số năm kinh nghiệm trung bình của nhân viên và tỷ lệ các cấp bậc nhân viên trong công ty; số giờ đào tạo chính thức cho mỗi nhân viên chuyên nghiệp; số giờ mà các giám đốc kiểm toán dành cho việc rà soát trong tổng thời gian của một cuộc kiểm toán...

b. Các tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán liên quan đến quá trình kiểm toán:

bao gồm một số chỉ tiêu như số lượng và bản chất của các sai sót được phát hiện trong quá trình rà soát chất lượng nội bộ của công ty kiểm toán; số lượng và bản chất của các vấn đề được các cơ quan giám sát/hiệp hội nghề nghiệp phát hiện; kết quả kiểm tra năng lực chuyên môn của KTV; tỷ lệ phần trăm khách hàng được đánh giá là rủi ro cao; mức độ đầu tư cho cơ sở vật chất nhằm nâng cao chất lượng kiểm toán...

c. Các tiêu chí đánh giá chất lượng kiểm toán liên quan đến kết quả kiểm toán:

bao gồm các thông tin như tần suất và tầm quan trọng của các sai sót được phát hiện trong kỳ kế toán sau; tần suất của việc trình bày lại BCTC do sai sót trong các kỳ kế toán sau; số lượng các khách hàng phá sản mà báo cáo kiểm toán năm trước không lưu ý về tính hoạt động liên tục; tần suất, độ lớn và kết quả của các vụ kiện chống lại KTV; số lượng và bản chất của các phát hiện của cơ quan giám sát chất lượng kiểm toán; các quyết định xử phạt của cơ quan quản lý đối với KTV và công ty kiểm toán...

Ba là, phối hợp giữa cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng với kiểm toán viên

Sự phối hợp thông tin giữa cơ quan giám sát ngân hàng với KTV có ý nghĩa quan trọng nhằm góp phần bảo đảm tính an toàn của hệ thống NHTM. Là cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực ngân hàng, có đầy đủ cơ sở dữ liệu và nắm rõ các thay đổi trong hoạt động hàng ngày của ngân hàng, cơ quan giám sát có thể cung cấp nhiều thông tin hữu ích cho công ty kiểm toán nhằm giúp các công ty kiểm toán định hướng và tập trung vào các rủi ro phát sinh trong hoạt động ngân hàng. Ngược lại, KTV và công ty kiểm toán khi nghi ngờ hoặc phát hiện thấy các vấn đề nghiêm trọng có ảnh hưởng đến sự phát triển an toàn của hệ thống NHTM cũng cần báo cáo cho cơ quan giám sát ngân hàng theo đúng qui định.

Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, để đảm bảo hiệu quả trong công việc của cả hai phía, các điều khoản và phạm vi của mỗi quan hệ giữa hai bên cần được qui định một cách rõ ràng trong các văn bản hướng dẫn của ngân hàng trung ương. Để nâng cao chất lượng kiểm toán và tính hiệu quả của việc giám sát, thời gian và nội dung của các cuộc họp giữa các giám sát viên và KTV nên gắn với qui trình kiểm toán và tập trung vào các vấn đề chính của cuộc kiểm toán. Nên có ít nhất hai cuộc họp được thực hiện trước khi lập kế hoạch và trước khi kết thúc cuộc kiểm toán.

Khi lập kế hoạch giai đoạn kiểm toán, các nội dung trao đổi bao gồm: đánh giá rủi ro và xác định phạm vi kiểm toán; trao đổi về kế hoạch và phương pháp tiếp cận cuộc kiểm toán cũng như mức trọng yếu; đánh giá về kiểm soát nội bộ; đánh giá rủi ro liên quan đến giả định hoạt động liên tục; chính sách kế toán áp dụng; khả năng xảy ra các thiên lệch của ban quản lý; văn hóa và triết lý của người quản lý; các vấn đề liên quan đến tính tuân thủ pháp luật; các vấn đề phát sinh từ các kỳ kiểm toán trước...

Trước khi kết thúc kiểm toán, các nội dung trao đổi bao gồm: cập nhật các vấn đề đã trao đổi trong cuộc gặp trước; thảo luận về sự đầy đủ và đáng tin cậy của các thuyết minh và các rủi ro, giao dịch, xét đoán liên quan đến cuộc kiểm toán; các ước tính kế toán quan trọng và bất cứ

dấu hiệu nào của các thiên lệch của nhà quản lý; phân tích đánh giá của ban quản lý về giả định hoạt động liên tục; các sai sót không được điều chỉnh và đánh giá của KTV về mức trọng yếu; các điểm yếu kém của kiểm soát được phát hiện và các vấn đề khác phát sinh từ việc kiểm toán; dự kiến báo cáo kiểm toán...

Ngoài hai cuộc họp như trên, một cuộc họp có thể được tổ chức sau khi kết thúc công việc kiểm toán để trao đổi về những vấn đề cần xem xét trong các cuộc kiểm toán soát xét hàng năm và các rủi ro cần được chú ý.

Theo kinh nghiệm một số nước, KTV cũng có trách nhiệm thông báo cho cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng khi họ từ nhiệm hoặc có ý định từ nhiệm hoặc ngân hàng quyết định chấm dứt hợp đồng với công ty kiểm toán.

Bốn là, hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống chuẩn mực kế toán, kiểm toán

Các cơ quan Nhà nước cần hướng tới hoàn thiện khuôn khổ pháp lý trong lĩnh vực KTĐL. Hoạt động kiểm toán phải được thực hiện dựa trên các văn bản luật, qui định, chuẩn mực, chế độ và các qui định pháp lý đầy đủ và phù hợp. Hệ thống pháp lý về kiểm toán có đầy đủ, phù hợp với thông lệ quốc tế cũng như hoạt động kiểm toán ở Việt Nam sẽ đảm bảo cho công tác kiểm toán được thực hiện tốt, góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả kiểm toán.

Ngân hàng Nhà nước và Bộ Tài chính cần phối hợp trong việc hoàn thiện chế độ kế toán và lập BCTC của các NHTM. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng hoạt động KTĐL.

Thứ nhất, cần rút ngắn sự khác biệt giữa các CMKT Việt Nam và CMKT quốc tế. Tuy rằng hệ thống CMKT Việt Nam được xây dựng trên cơ sở CMKT quốc tế nhưng các chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện tại chưa thực sự cập nhật kịp thời với sự thay đổi không ngừng của chuẩn mực kế toán quốc tế.

Thứ hai, phối hợp giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước khi soạn thảo các văn bản, các quy định về kế toán liên quan đến các NHTM tránh sự khác biệt trong quy định hoặc chồng chéo dẫn đến khó thực hiện. Đối với các chuẩn mực kế toán liên quan đến công cụ tài chính, Bộ

Tài chính cần kết hợp chặt chẽ với các chuyên gia của Ngân hàng Nhà nước để đảm bảo sớm ban hành được các chuẩn mực kế toán Việt Nam tương ứng phù hợp với đặc thù hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam. Nghiên cứu giảm tối thiểu sự khác biệt giữa các chế độ kế toán của các loại hình doanh nghiệp khác nhau, đảm bảo việc lập BCTC hợp nhất của các NHTM nhanh chóng và chính xác.

Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam cũng cần thay đổi, cập nhật để đáp ứng tốt hơn yêu cầu của người sử dụng thông tin. Cụ thể các chuẩn mực kiểm toán về báo cáo kiểm toán cần được cập nhật theo những thay đổi trong các chuẩn mực kiểm toán quốc tế do Ủy ban Chuẩn mực kiểm toán và dịch vụ đảm bảo quốc tế (IAASB) ban hành năm 2015.

Thứ nhất, đoạn “ý kiến kiểm toán” được chuyển lên trình bày ngay ở đoạn mở đầu của báo cáo kiểm toán.

Thứ hai, bổ sung thêm đoạn với tiêu đề “Các vấn đề kiểm toán quan trọng” (Key audit matters). Các vấn đề kiểm toán quan trọng là các vấn đề mà theo ý kiến của KTV là quan trọng nhất để giúp người đọc hiểu rõ về BCTC được kiểm toán, hoặc về cuộc kiểm toán. Đoạn này phải là yêu cầu bắt buộc đối với các đơn vị có lợi ích công chúng, và có thể áp dụng trong BCTC của các đơn vị khác. Các vấn đề được đề cập trong mục này bao gồm những giao dịch bất thường, ví dụ giao dịch với các bên liên quan, đánh giá lại giá trị tài sản, các vấn đề quan trọng đòi hỏi xét đoán của ban quản lý và KTV.

Thứ ba, KTV phải đưa ra kết luận về giả định hoạt động liên tục mà Ban giám đốc đơn vị sử dụng để lập BCTC, đồng thời, KTV phải nêu rõ liệu KTV có nhận thấy hay không nhận thấy bất kỳ yếu tố không chắc chắn trọng yếu nào liên quan đến giả định hoạt động liên tục hay không.

Thứ tư, KTV phải trình bày các thông tin khác về việc thực hiện cuộc kiểm toán và làm rõ trách nhiệm của KTV, Ban giám đốc và Ban quản trị đơn vị được kiểm toán. Thông tin khác là các thông tin tài chính và phi tài chính, không bao gồm BCTC được kiểm toán, mà thường

được in cùng với BCTC và báo cáo kiểm toán, ví dụ như báo cáo thường niên của đơn vị được kiểm toán. Các thông tin khác có thể bao gồm các tuyên bố của chủ tịch công ty, phân tích kết quả hoạt động kinh doanh, các thông tin về tình hình tài chính trong báo cáo thường niên. Theo mẫu báo cáo kiểm toán mới, các KTV được yêu cầu đưa ra ý kiến về việc liệu có sự không nhất quán nào giữa các thông tin trên BCTC với các thông tin khác hay không.

Thứ năm, đoạn trách nhiệm của KTV sẽ trình bày cụ thể hơn những nội dung công việc mà KTV thực hiện trong quá trình kiểm toán, ví dụ như xác định và đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trên BCTC do gian lận hoặc nhầm lẫn và thực hiện các thủ tục kiểm toán để xử lý các rủi ro đó; thu thập hiểu biết về KSNB liên quan đến cuộc kiểm toán để thực hiện các thủ tục kiểm toán phù hợp; đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán và sự hợp lý của các ước tính kế toán của ban quản lý...

3.2. Kiến nghị đối với các ngân hàng thương mại

Các NHTM cần nhận thức được vai trò, vị trí to lớn của kiểm toán nói chung và kiểm toán BCTC nói riêng trong việc kiểm tra và tư vấn cho quá trình quản lý, điều hành của ban lãnh đạo ngân hàng, từ đó chủ động trong việc nâng cao chất lượng thông tin tài chính và phối hợp với các KTV độc lập để nâng cao chất lượng cuộc kiểm toán BCTC tại NHTM.

Các NHTM cũng cần triển khai các biện pháp cần thiết để ngăn chặn, phát hiện và xử lý các hành vi gian lận tại đơn vị mình. Các NHTM cần tổ chức một hệ thống KSNB đủ mạnh với đầy đủ các cấu phần hoạt động hiệu quả để ngăn ngừa và phát hiện kịp thời các hành vi gian lận. Xuất phát từ thực tế, hầu hết các vụ việc của các NHTM vừa qua liên quan đến điểm yếu trong kiểm soát nội bộ của NHTM thể hiện ở tính hiệu lực của hệ thống kiểm soát nội bộ. Để nâng cao vai trò của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc ngăn ngừa, phát hiện các gian lận và sai sót trong hoạt động cũng như trách nhiệm lập và trình bày BCTC, các NHTM cần xem xét quy định chặt chẽ hơn đối với trách nhiệm báo cáo

và giải trình của Hội đồng quản trị, Trưởng ban kiểm soát, Trưởng kiểm toán nội bộ về các vấn đề cụ thể như sau:

- Quy định rõ trách nhiệm của từng người, bộ phận liên quan.
- Quy định rõ chế tài trong trường hợp không thực hiện hoặc vi phạm quy định.
- Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát có vai trò giám sát việc thực hiện các quy định, đảm bảo các vi phạm được ngăn ngừa hoặc phát hiện kịp thời. Trong trường hợp có vi phạm nghiêm trọng hoặc phát hiện có rủi ro lớn thì Ban kiểm soát/Trưởng kiểm toán nội bộ phải báo cáo ngay Ngân hàng Nhà nước.

Cùng với đề án tái cơ cấu hệ thống các TCTD và tăng cường giám sát của Cơ quan quản lý Nhà nước, bao gồm cả vấn đề sở hữu chéo, quản trị ngân hàng, quản trị rủi ro, việc tăng cường và nhấn mạnh trách nhiệm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát đối với tính hiệu lực của hệ thống KSNB là một giải pháp quan trọng trong việc nâng cao chất lượng của BCTC cũng như tạo môi trường để nâng cao chất lượng kiểm toán nội bộ cũng như kiểm toán độc lập, từng bước nâng cao văn hóa quản trị, kiểm soát và đạo đức kinh doanh trong hệ thống ngân hàng, qua đó góp phần vào việc bảo đảm an toàn của hệ thống NHTM.

4. Kết luận

Hoạt động KTĐL BCTC các NHTM về cơ bản là đạt chất lượng, phù hợp với các quy định hiện hành trong hệ thống CMKiT Việt Nam. Các CTKT đã thực hiện kiểm toán các NHTM với mức độ thận trọng tương đối cao và nhìn chung đã tuân thủ các quy định hiện hành trong lĩnh vực kiểm toán. Từ đó góp phần làm minh bạch thông tin tài chính của các NHTM, góp phần vào việc đảm bảo an toàn của hệ thống ngân hàng Việt Nam trong thời gian qua.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn có những hạn chế trong việc thực hiện quy trình, thủ tục kiểm toán, trong lập BCKT và BCTC đã được kiểm toán... Những tồn tại này có thể là một trong những nguyên nhân dẫn tới hạn chế của KTV, công ty kiểm toán trong việc phát hiện các sai sót, đặc biệt là các hành vi gian lận của một số cán bộ ngân hàng trong

thời gian vừa qua. Các NHTM, cơ quan quản lý, người sử dụng BCTC và công chúng nói chung có nhiều kỳ vọng vào khả năng của các KTV độc lập trong việc nhận diện các rủi ro, sai phạm trong hoạt động ngân hàng. Do vậy, những hạn chế trong hoạt động kiểm toán cần được nhận biết và có biện pháp xử lý phù hợp từ cả các CTKT, NHTM và cơ quan quản lý. Bởi chỉ cần một vài sai sót nghiêm trọng không được phát hiện tại một NHTM cũng có thể có ảnh hưởng lan truyền tới hoạt động của cả hệ thống. Do vậy các CTKT cần tiếp tục có các giải pháp hoàn thiện qui trình kiểm toán, nâng cao hơn nữa mức độ thận trọng, mở rộng phạm vi chọn mẫu... để tăng khả năng phát hiện sai sót, nâng cao chất lượng kiểm toán. ■

Tài liệu tham khảo

1. Bank of England (2013), *The relationship between the external auditor and the supervisor: A code of practice*, www.bankofengland.co.uk
2. Basel Committee on Banking Supervision (2013), *External Audits of Banks*, www.bis.org
3. Hà Thị Ngọc Hà (2012), *Đề tài cấp ngành - Các giải pháp hoàn thiện, tăng cường kiểm soát chất lượng công tác kiểm toán báo cáo tài chính các đơn vị có lợi ích công chúng-*, Bộ Tài chính.
4. IAASB (2012), *Improving the auditor's report*, www.iaasb.org
5. Lê Thị Thu Hà (2015), *Đề tài cấp ngành "Giải pháp nâng cao chất lượng kiểm toán báo cáo tài chính của các ngân hàng thương mại Việt Nam"*, Học viện Ngân hàng.
6. PCAOB (2013), *Discussion - Audit quality indicator*, www.pcaobus.org

Thông tin tác giả

Lê Thị Thu Hà, Tiến sỹ
Khoa Kế toán- Kiểm toán, Học viện Ngân hàng
Email: lethithuha@gmail.com

Summary

Solutions for the improvement in the quality of the audits of Vietnamese commercial banks' financial statements

The aim of the paper is to propose solutions to improve the quality of the audits of Vietnamese commercial banks' financial statements

The main measures include improving the risk-based audit approach, the use of audit sampling and of internal auditors' work, the quality of audit firms' human resources. The paper also suggests measures to the government authorities to improve audit quality control process, strengthening the the co-operation between bank supervisors and auditors, and improving the legal framework in the field of accounting and auditing.

Key word: audit quality, audit of banks.

Ha Thi Thu Le, PhD.
The faculty of accounting and auditing, Banking Academy